

*Kèm theo Thông tư số
131/2025/TT-BTC ngày 24
tháng 12 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính*

Ngày nhận báo cáo:
- 6 tháng đầu năm:
Sơ bộ ngày 20/6 năm báo
cáo (N)
Chính thức ngày 31/7 năm
báo cáo (N)
- Năm:
Sơ bộ ngày 20/12 năm báo
cáo (N)
Chính thức ngày 28/02
năm sau năm báo cáo
(N+1)

Kỳ báo cáo ...

- Đơn vị báo cáo:
Cục Quản lý nợ và
kinh tế đối ngoại

- Đơn vị nhận báo cáo: Cục Công nghệ thông tin và chuyên đội số

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Nhà tài trợ	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi	Lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo					Kế hoạch năm (N)	Lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi từ đầu năm đến thời điểm báo cáo						
					Tổng số	Trong đó					Tỷ lệ giải ngân(%)	Tổng số	Trong đó				Tỷ lệ(%) so với kế hoạch năm (N)
						XDCB	HCSN	CVL	HTNS				XDCB	HCSN	CVL	HTNS	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9 = 4/3	10	11	12	13	14	15	16 = 11/10

I. Tổng số																	
II. Chia theo ngành kinh tế																	
<i>(Ghi theo danh mục hệ thống ngành kinh tế Việt Nam – cấp 1)</i>																	
...																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI KIỂM TRA
BIỂU**
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU BÁO CÁO

Biểu số 1903.H.QLN: Tiến độ giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Khái niệm

- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi là nguồn vốn của nhà tài trợ nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để hỗ trợ phát triển, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, bao gồm:

a) Vốn ODA không hoàn lại là khoản vốn ODA không phải hoàn trả lại cho nhà tài trợ nước ngoài, được cung cấp theo hình thức dự án độc lập hoặc kết hợp với các dự án đầu tư sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; phi dự án;

b) Vốn vay ODA là khoản vay nước ngoài có thành tố ưu đãi đạt ít nhất 35% đối với khoản vay có điều kiện ràng buộc liên quan đến mua sắm hàng hóa và dịch vụ theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài hoặc đạt ít nhất 25% đối với khoản vay không có điều kiện ràng buộc.

c) Vốn vay ưu đãi là khoản vay nước ngoài có điều kiện ưu đãi hơn so với vay thương mại nhưng thành tố ưu đãi chưa đạt tiêu chuẩn của vay ODA.

- Vốn đối ứng là khoản vốn đóng góp của phía Việt Nam (bằng hiện vật hoặc tiền) trong chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nhằm chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án, được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chủ dự án tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Cơ quan chủ quản: quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ được phân loại theo các tiêu thức sau:

+ Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ ký kết phân theo các nhà tài trợ;

+ Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ ký kết phân theo các ngành, các lĩnh vực ưu tiên sử dụng ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

+ Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ thực hiện phân theo các ngành, lĩnh vực ưu tiên sử dụng ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

- Kế hoạch năm: Là kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao để triển khai các hoạt động của chương trình, dự án thực hiện trong năm báo cáo.

b) Phương pháp tính

$$\text{Tổng mức đầu tư của dự án} = \text{Vốn vay ODA} + \text{Vay ưu đãi} + \text{Viện trợ không hoàn lại} + \text{Vốn đối ứng}$$

$$\text{Vốn nước ngoài} = \text{Vốn vay ODA} + \text{Vay ưu đãi} + \text{Viện trợ không hoàn lại}$$

- Lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo là tổng giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi từ bắt đầu dự án đến thời điểm báo cáo.

- Lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi từ đầu năm đến thời điểm báo cáo là tổng giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi từ đầu năm đến thời điểm báo cáo.

- Lũy kế giải ngân vốn đối ứng từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo là tổng giải ngân vốn đối ứng từ bắt đầu dự án đến thời điểm báo cáo.

- Lũy kế giải ngân vốn đối ứng từ đầu năm đến thời điểm báo cáo là tổng giải ngân vốn đối ứng từ đầu năm đến thời điểm báo cáo.

- Vốn nước ngoài quy đổi sang USD/Euro: Tỷ giá hối đoái quy đổi tại thời điểm phê duyệt dự án và được ghi trong quyết định phê duyệt.

2. Cách ghi biểu

a) Biểu số 1902.H.QLN

- Cột 1: Ghi tên nhà tài trợ, trong trường hợp có tên viết tắt của tổ chức, nhà tài trợ thì ghi tên viết tắt trong ngoặc đơn.
- Cột 2: Ghi thời gian bắt đầu - kết thúc theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình, dự án.
- Cột 3: Ghi tổng mức đầu tư bằng đơn vị triệu VNĐ tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 4: Ghi số vốn nước ngoài bằng đơn vị triệu VNĐ tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 5: Ghi số vốn nước ngoài bằng đơn vị USD tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 6: Ghi số vốn vay ODA bằng đơn vị triệu VNĐ ký kết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 7: Ghi số vay ưu đãi bằng đơn vị triệu VNĐ ký kết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 8: Ghi số viện trợ không hoàn lại bằng đơn vị triệu VNĐ ký kết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 9: Ghi số vốn đối ứng bằng đơn vị triệu VNĐ ký kết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.

b) Biểu số 1903.H.QLN

- Cột 1: Ghi tên nhà tài trợ, trong trường hợp có tên viết tắt của tổ chức, nhà tài trợ thì ghi tên viết tắt trong ngoặc đơn.
- Cột 2: Ghi thời gian bắt đầu - kết thúc theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình, dự án.
- Cột 3: Ghi tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của chương trình, dự án tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 4: Ghi tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 5: Ghi tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi để xây dựng cơ bản của dự án đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 6: Tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi cho hành chính sự nghiệp của dự án đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 7: Tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi để cho vay lại của dự án đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.

- Cột 8: Tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi để hỗ trợ ngân sách của dự án đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 9: Ghi tỷ lệ giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo so với tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của dự án tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 10: Số vốn kế hoạch năm (N) được cấp có thẩm quyền giao tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 11: Tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi của dự án từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 12: Tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi để xây dựng cơ bản của dự án từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 13: Tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi cho hành chính sự nghiệp của dự án từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 14: Tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi để cho vay lại của dự án từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 15: Tổng số lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi để hỗ trợ ngân sách của dự án từ đầu năm đến thời điểm báo cáo tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 16: Tỷ lệ lũy kế giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi của dự án từ đầu năm đến thời điểm báo cáo so với số vốn kế hoạch năm (N) tương ứng với từng dòng của cột A

3. Nguồn số liệu

- Tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan chủ quản theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.
- Báo cáo của các cơ quan chủ quản theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.